

MỘ CỔ AO ĐÌNH

ĐẶNG CÔNG NGA*

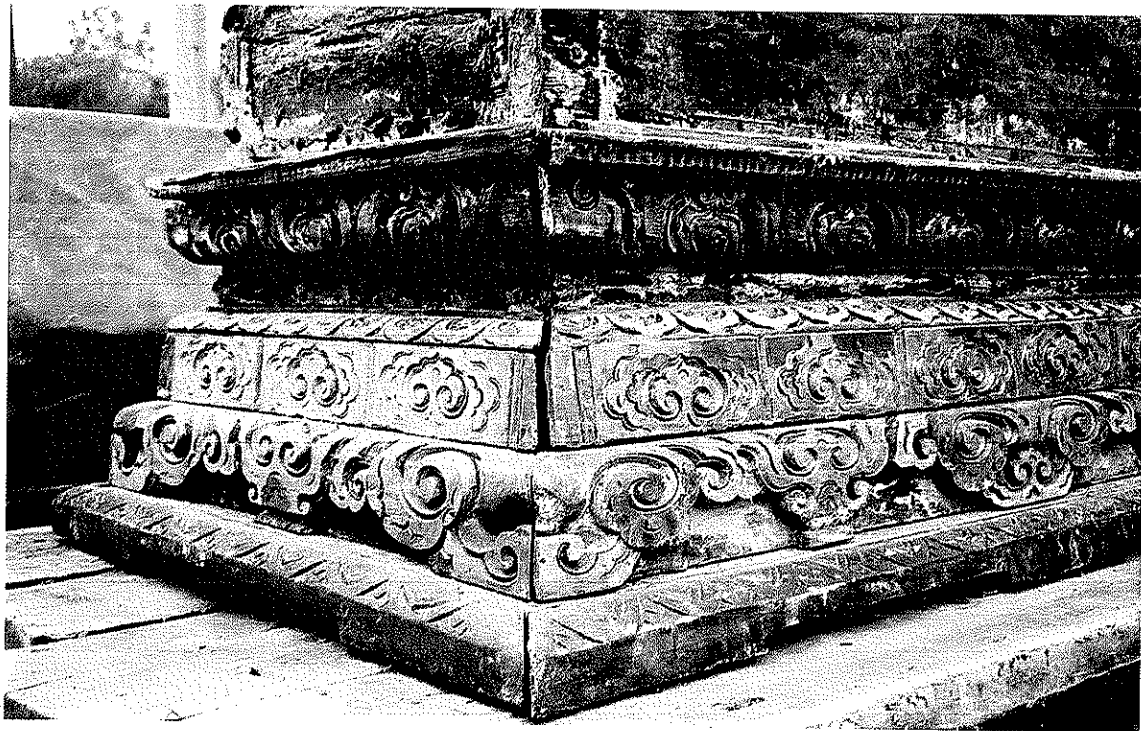
Mộ ao đình thuộc thôn Chính Đốn, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, được Bảo tàng Ninh Bình tiến hành khai quật vào khẩn cấp theo tinh thần “chữa cháy”, vì mộ đã bị đào bới lộ cả phần nắp, vào đầu năm 2005, theo Quyết định số 150/QĐ/BVHTT, ngày 14/01/2005 của Bộ Văn hoá - Thông tin. Mộ nằm bên trong đê sông Hoàng Long, cách xóm An Ninh, thôn Chính Đốn khoảng 300m về phía Tây Bắc, cách núi Nổ Đổ (ngoài đê) khoảng 300m về phía Nam, cách núi Hang Trâu - nơi có nhiều bia đá các thời, có vết tích sò biển và trầm tích vỏ ốc thuộc văn hoá Hoà Bình - khoảng 1000m về phía Nam. Theo bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình vẽ năm 2004, thì mộ nằm trên toạ độ 20019'1" vĩ Bắc, 105048'7" kinh Đông.

Đây là ngôi mộ song táng, gồm hai cỗ quan quách nằm song song với nhau theo hướng Đông - Tây. Cả hai cỗ quách đều có hình khối hộp chữ nhật, được tạo bởi các tấm gỗ gá lắp

vào nhau, và bọc kín quan tài. Hai cỗ quách đặt cách nhau 0,4m và lệch nhau theo chiều Đông - Tây 0,4m. Kích thước bộ quách phía Nam dài 2,76m, rộng 0,77m, cao 0,73m. Bộ quách phía Bắc: dài 3,02m, rộng 1,32m, cao 1m.

Trong mỗi quách có một quan tài: phía Nam là quan tài làm bằng thân cây khoét lòng, thường gọi là quan tài hình thuyền, phía Bắc là quan tài hình khối hộp chữ nhật, có bệ chân quỳ và được trang trí hoa văn răng cưa, lá đề, cánh sen..., tất cả đều sơn son thếp vàng hết sức tinh xảo. Dưới cùng quan tài là băng hoa văn diềm ngói phủ quanh chân bệ, tiếp đó là băng hoa văn mây cuốn, lá đề tạo thành từng cụm đối xứng và lặp đi lặp lại. Phía trên là băng hoa văn lá đề gồm 24 lá tất cả, rồi là băng hoa văn cánh sen úp 76 cánh. Trên nữa là một băng cánh sen kép nghiêng, nét đục sâu, cánh bầu mập, gồm 24 cánh, mang phong cách cánh sen thời Trần rõ nét. Toàn bộ quan quách được làm bằng loại gỗ Ngọc Am quý hiếm, loại gỗ có mùi thơm đặc biệt, có thể chống lại sự xâm thực của côn trùng và tồn tại lâu dài trong

* GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG NINH BÌNH



Quan tài (Mộ cổ ao đình) - Ảnh: Tác giả

môi trường ẩm ướt.

Bên dưới mộ là nền gạch vuông, mỗi chiều 4m, bao gồm gạch vuông, gạch chữ nhật, gạch vồ, gạch múi bưởi 69 viên gạch đã được đưa về Bảo tàng tỉnh, còn một số bị mủn nát không lấy lên được. Gạch vuông có số lượng nhiều nhất (33 viên), tiếp đến là gạch chữ nhật (29), các loại gạch khác rất ít. Gạch vuông có kích thước mỗi chiều trên dưới 40cm, dày trên dưới 7cm; gạch chữ nhật cũng có kích thước không giống nhau, viên trung bình là 35 x 16,5 x 7,5 (cm); gạch vồ có số đo trung bình một viên là 37,8 x 12,6 x 10,4 (cm). Nói chung, các viên gạch không trang trí hoa văn, độ nung không đều, có viên già, có viên còn non, dễ vỡ. Duy nhất trên một viên gạch chữ nhật có vẽ hình dấu con chim phượng vươn dài, nét vẽ nông nhưng thanh thoát, mang phong cách thời Trần. Bao trùm toàn bộ mộ là một lớp than củi nhằm tăng cường khả năng bảo vệ mộ khỏi bị côn trùng xâm nhập.

Bộ xương trong quan tài thân cây khoét lòng (phía Nam) đã bị mủn, đặc biệt xương chân từ bên dưới đầu gối trở xuống mủn hoàn toàn. Người chết được đặt trong tư thế nằm ngửa, tay

chân duỗi thẳng; tóc dài, dày và bạc; xương nhỏ nhắn, có thể là một phụ nữ, cao khoảng 1,60m. Bộ xương trong quan tài khối hộp chữ nhật cũng bị mủn nát nghiêm trọng, được chôn trong tư thế nằm ngửa, 2 tay úp lên bụng, 2 chân khuỳnh ra hai bên. Xương cốt to, thô, cao khoảng 1,85m, là một người đàn ông to lớn.

Đồ tùy táng rất sơ sài: Trong mộ thân cây khoét rỗng (phía Nam) có 1 hộp gỗ tiện, kích thước nhỏ, một nửa cái chày gỗ và 7 đồng tiền đồng; trong quách mộ kia có một cái đài thờ cũng bằng tiện gỗ.

Về tài liệu chữ viết, trên mặt của viên gạch vồ có 3 chữ Hán nhấn chìm, nhưng 2 chữ đầu và cuối bị mờ hẵn, chỉ còn chữ ở giữa, đọc được là chữ phi (bay), viết lối dân gian. Trên cạnh một viên gạch vuông nhấn chìm 3 chữ Hán Hồ uy quân (Đội quân Hồ uy). Chữ Hán ở đây được khắc trên con dấu, rồi ấn vào gạch ghi còn ướt, cho nên chữ được thể hiện quy chuẩn, rõ ràng. Trên các tấm gỗ dùng làm ván lót đáy, quách mộ, cũng có nhiều chữ Hán, được thợ mộc đục trực tiếp vào ở các vị trí 2 đầu hoặc rìa cạnh, nhằm đánh dấu trước sau, phải, trái, trên, dưới để tránh nhầm lẫn khi gá lắp (các chữ "tiền",

"hậu", "tả", "hữu", "hạ"); cùng các chữ đó, còn có chỗ đánh thêm số thứ tự 1, 2, 3, 4 (nhất, nhị, tam, tứ) thật chi tiết, không thể nhầm lẫn được. Các chữ đục trên gỗ rất cầu thả, tùy tiện, to nhỏ, nông sâu, đúng sai "thoải mái", có lẽ là do hoa tay và trình độ chữ Hán của các thợ mộc. Trong 6 đồng tiền tùy táng còn có thể đọc được chữ (đường kính tiền từ 2,2 đến 2,5cm), chữ chỉ có trên một mặt, gồm tiền Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông - Trung Quốc (713 - 714), tiền Cảnh Hựu đời Tống Nhân Tông - Trung Quốc (1034 - 1038), tiền Hoàng Tống đời Tống Nhân Tông - Trung Quốc (1039), tiền Gia Định đời Tống Lý Tông (1208 - 1224); tiền Nguyên Phong (1078) của vua Tống Nhân Tông (Trung Quốc), gồm 2 đồng. Các đồng tiền này đều viết chữ chân, riêng 1 đồng Nguyên Phong viết lối chữ triện rất khó đọc. Tất cả đều là tiền Trung Quốc từ thế kỷ VIII - XIII.

Nhận xét sơ bộ

1 - Đây là ngôi mộ cổ có cấu trúc tương đối đồ sộ, quan quách cầu kỳ, trang trí hoa văn công phu, tỷ mỹ và tinh xảo. Gỗ để làm quan quách là gỗ Ngọc Am đặc biệt quý hiếm, chỉ vua quan, nhà giàu mới có điều kiện sử dụng cho việc mai táng. Các viên gạch có kích thước to lớn, dày dặn để tăng độ bền vững cho mộ.

2 - Về táng tục, mộ ao đình là mộ song táng, thuộc loại mộ cổ ít gặp trong số những ngôi mộ đã biết; tức 2 người táng cùng một lần và nằm song song cạnh nhau (song táng là trường hợp ít gặp vì ít khi hai vợ chồng cùng chết một lúc). Cổ quan quách người đàn ông đồ sộ và được chế tác, trang trí hoa văn rất cầu kỳ, tinh xảo; quan tài hình hộp chữ nhật, thể hiện địa vị xã hội và táng tục người Việt. Cổ quan quách của người phụ nữ có kích thước nhỏ hơn, không trang trí hoa văn, quan tài hình thuyền, lại nằm thấp hơn về phía chân của quan tài người đàn ông, thể hiện địa vị của người vợ trong gia đình và táng tục theo phong tục người Mường. Trong quan tài người đàn ông có phủ một lớp vôi dày nhằm chống ẩm và khử trùng; thi thể người phụ nữ phủ dày một lớp dầu thơm vừa để khử trùng và cũng để khử mùi; đồ tùy táng rất đơn giản, không có giá trị kinh tế, chứng tỏ lúc còn sống 2 người không coi trọng vật chất và sống theo giáo lý nhà Phật thuộc dòng Trúc Lâm (ngoài tâm ra, mọi thứ đều trống rỗng hư vô).

3 - Về quan hệ và địa vị gia đình, xã hội giữa hai người: đây là 2 vợ chồng, người phụ nữ là vợ chứ không phải là thê, thiếp hay người hầu kẻ ở, và là người Mường, không tham gia công tác xã hội, chồng là người Việt và là một võ tướng cầm đầu đội quân Hồ uy của triều đình. Cả hai người đều chết già, vì tóc người phụ nữ đã bạc.

4 - Về niên đại, căn cứ vào cấu trúc mộ (bê chân quỳ, chông cũi lợn), hoa văn trang trí (lá đề, cánh sen, đầu chim phượng), dùng than để phủ toàn bộ quan quách, dùng vôi và dầu thơm để phủ lên thi thể; căn cứ danh hiệu Hồ uy quân (đội quân oai hùng như hổ báo - sử sách ghi rằng thời Trần có các đội quân Hồ dục đồ (Lê Tắc: *An Nam chí lược*), Hồ bồn quân (Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư*) và Thần sách quân, trong đó có Hồ uy quân (Đặng Xuân Bảng trong *Sử học bị khảo* cho rằng: quân Thần sách thời Trần tồn tại cho đến thời Nguyễn mới đổi làm 5 dinh, trong đó có Hồ uy quân, là nhầm - Đ.C.N); căn cứ vào truyền thuyết trong vùng nói rằng đình Chính Đốn (cách mộ khoảng 300m) thờ một vị tướng đời Trần, và mộ ao đình chính là mộ của vị tướng đó; căn cứ tấm bia đời Thiệu Phong 17 (1357) thời Trần liệt kê tên một số người tiến cúng tiền, ruộng cho chùa hang Chính Đốn, trong đó có người có địa vị xã hội khá cao như Đô đốc thự Đình Sĩ Thái Bạch, chúng tôi cho rằng chủ nhân ngôi mộ ao đình là người thời Trần, thuộc các thế kỷ XIII - XIV,

Như vậy, việc khai quật ngôi mộ cổ ao đình có ý nghĩa rất to lớn, bổ sung hiện vật cho kho Bảo tàng tỉnh ngày thêm phong phú, tạo nên bộ sưu tập Mộ (cùng với các ngôi mộ ở di chỉ Hang Sáo, mộ di chỉ Mán Bạc), cung cấp cho người nghiên cứu và khách tham quan những hiểu biết sâu hơn về vùng đất cổ Ninh Bình.

Đ.C.N